

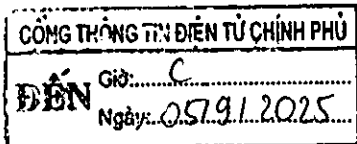
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1893/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Cơ chế điều phối liên ngành về phát triển bền vững kinh tế biển



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường biển, hải đảo đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Cơ chế điều phối liên ngành về phát triển bền vững kinh tế biển.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và các ủy viên Ủy ban chỉ đạo quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Các ủy viên Ủy ban chỉ đạo quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). 72b

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ CHẾ

Điều phối liên ngành về phát triển bền vững kinh tế biển

(Kèm theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg

ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Cơ chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm trong việc phối hợp giữa Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Ủy ban) với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân) trong phát triển bền vững kinh tế biển.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ hiệu quả; phân công cụ thể trách nhiệm phối hợp của các bộ, ngành, địa phương và Ủy ban.

2. Hoạt động phối hợp phải dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển; tuân thủ các quy định tại Cơ chế này và theo quy định của pháp luật; bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công việc, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong phát triển bền vững kinh tế biển.

3. Chủ động, thường xuyên trao đổi thông tin; đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời.

4. Bảo đảm sự đoàn kết, hỗ trợ, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan.

5. Khi phát sinh các vấn đề cần xử lý thuộc thẩm quyền của cơ quan nào thì cơ quan đó chủ trì và các đơn vị khác phối hợp; khi phát sinh vấn đề thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan quản lý thì báo cáo Ủy ban để chủ trì xử lý.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu về những quy định của pháp luật, chủ trương, chính sách mới và tình hình thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

2. Phối hợp trong xử lý các vấn đề mang tính liên ngành trong thực hiện công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Phối hợp trong xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu biển, các cơ chế tài chính, đảm bảo an ninh, an toàn trên biển và hợp tác quốc tế nhằm hỗ trợ phát triển bền vững kinh tế biển.

4. Phối hợp trong công tác đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên quan đến Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

5. Phối hợp trong tổ chức các hội nghị, hội thảo, các diễn đàn liên quan tới Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

6. Phối hợp trong công tác sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Điều 4. Phương thức và cơ chế phối hợp

1. Tùy từng nội dung cần giải quyết, việc phối hợp có thể được thực hiện thông qua các phương thức cụ thể sau:

- a) Gửi công văn, thư điện tử.
- b) Tổ chức họp trao đổi, lấy ý kiến.
- c) Trao đổi qua điện thoại, fax.
- d) Thành lập tổ công tác để xử lý các vấn đề có tính liên ngành và cấp bách.

2. Việc lựa chọn phương thức phối hợp do các cơ quan, bộ, ngành cùng cấp thống nhất, quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể tại từng địa bàn, cấp đơn vị. Trường hợp thông tin, tài liệu có nội dung nhạy cảm thuộc danh mục bí mật Nhà nước phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Cung cấp, trao đổi thông tin về thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam

1. Trách nhiệm chung của các bộ, ngành và địa phương liên quan về cung cấp, trao đổi thông tin về:

a) Tình hình triển khai Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 26/NQ-CP) theo 06 nhóm nhiệm vụ: (1) Quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; (2) Phát triển kinh tế biển, ven biển; (3) Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển; (4) Khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực; (5) Môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng; (6) Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

b) Tình hình thực hiện Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 139/2024/QH15), gồm: (1) Thông tin về lập, điều chỉnh các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch khác có liên quan do bộ chủ trì bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch không gian biển quốc gia; (2) Thông tin về tình hình xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để đạt được các mục tiêu đã đề ra trong Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia; (3) Thông tin về đánh giá thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia hằng năm, 05 năm theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Trách nhiệm cụ thể của các bộ, ngành và địa phương liên quan về cung cấp trao đổi thông tin được thực hiện theo Phụ lục kèm theo Cơ chế này.

Điều 6. Phối hợp trong xử lý các vấn đề mang tính liên ngành trong thực hiện công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao

1. Các bộ, ngành, địa phương có biển cần chủ động xử lý các vấn đề phát sinh trong sử dụng không gian biển theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao. Đối các vấn đề mang tính liên ngành, liên bộ, liên địa phương, các bộ, ngành và địa phương có biển báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cơ quan thường trực Ủy ban để tổng hợp xử lý. Việc xử lý thông qua phiên họp liên ngành để xem xét trên cơ sở tiêu chí như sau:

a) Tiêu chí ưu tiên theo quy hoạch và chiến lược quốc gia: Các hoạt động sử dụng không gian biển phải phù hợp với Nghị quyết số 139/2024/QH15, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam (Nghị quyết số 36-NQ/TW), Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết số 48/NQ-CP) và các chiến lược, quy hoạch ngành liên quan.

b) Tiêu chí đảm bảo quốc phòng và an ninh: Các hoạt động sử dụng không gian biển không được gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, độc lập, chủ quyền, và quyền tài phán của Việt Nam.

c) Tiêu chí đánh giá tác động kinh tế - xã hội: Đánh giá mức độ đóng góp của các hoạt động vào: (1) Tăng trưởng kinh tế biển và vùng ven biển; (2) Tạo việc làm và cải thiện đời sống cộng đồng địa phương; (3) Phát triển văn hóa biển và xã hội gắn bó với biển; (4) Ưu tiên các hoạt động có lợi ích kinh tế - xã hội lớn hơn, ít gây tác động tiêu cực đến các bên liên quan khác; (5) Xem xét các tác động ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt là đối với các cộng đồng dễ bị tổn thương như ngư dân và dân tộc thiểu số ven biển.

d) Tiêu chí bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu: (1) Ưu tiên các hoạt động có tác động thấp đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái biển và hỗ trợ phục hồi các khu vực bị suy thoái; (2) Đánh giá khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đặc biệt đối với các dự án ven biển hoặc khu vực dễ bị tổn thương; (3) Ưu tiên các hoạt động có cam kết rõ ràng về giảm thiểu ô nhiễm và bảo tồn đa dạng sinh học.

đ) Tiêu chí tham vấn cộng đồng và các bên liên quan: Các hoạt động sử dụng không gian biển đã được tham vấn và được sự đồng thuận của cộng đồng địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật.

Đối với các trường hợp vượt thẩm quyền, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan đề xuất phương án xử lý, báo cáo Chủ tịch Ủy ban để xem xét, chỉ đạo.

2. Việc xây dựng, thẩm định các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách liên quan tới phát triển kinh tế biển phải có sự tham gia góp ý của các bộ, ngành, địa phương liên quan để đảm bảo tính đồng bộ, tránh chồng chéo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển gắn với công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh.

3. Các bộ, ngành và địa phương được giao chủ trì các nhiệm vụ xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách liên quan tới phát triển kinh tế biển cần chủ động thông tin tới Cơ quan thường trực Ủy ban và các ủy viên Ủy ban để bố trí nhân lực tham gia xây dựng, góp ý.

Điều 7. Phối hợp trong xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu biển, các cơ chế tài chính, đảm bảo an ninh, an toàn trên biển và hợp tác quốc tế nhằm hỗ trợ phát triển bền vững kinh tế biển

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và địa phương có biển hoàn thiện và đưa vào khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu biển quốc gia trên cơ sở tích hợp thông tin từ các bộ, ngành, địa phương.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng cơ chế tài chính ưu đãi cho các dự án phát triển kinh tế biển bền vững, đặc biệt là nuôi trồng thủy sản xa bờ và năng lượng tái tạo.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương để đảm bảo an ninh, an toàn cho các hoạt động kinh tế trên biển; tổ chức cứu hộ, cứu nạn, xử lý sự cố môi trường...

4. Bộ Ngoại giao chủ động trong việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức quốc tế để giải quyết các vấn đề xuyên biên giới, như ô nhiễm biển, khai thác tài nguyên chung và tranh chấp trên biển; phối hợp với các bộ, ngành liên quan kêu gọi các nhà đầu tư quốc tế tham gia vào phát triển kinh tế biển Việt Nam.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hành động cấp tỉnh, đồng bộ với các chiến lược, quy hoạch và chương trình về phát triển kinh tế biển báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 8. Phối hợp trong công tác đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án

1. Căn cứ tình hình thực tế và Chương trình công tác hàng năm của Ủy ban, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có biển chủ trì xây dựng kế hoạch thành lập các Tổ công tác liên ngành để tăng cường đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên quan tới phát triển kinh tế biển; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển trong phạm vi thẩm quyền của Tổ công tác hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với những vấn đề vượt thẩm quyền. Sau khi nhận được yêu cầu phối hợp trong việc thành lập Đoàn công tác liên ngành, các cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm tham gia ý kiến, khẩn trương bố trí lực lượng, phương tiện, để tham gia đoàn kiểm tra.

2. Trường hợp kiểm tra đột xuất hoặc trong trường hợp cần thiết khác, có thể trao đổi trực tiếp qua điện thoại hoặc phương tiện thông tin liên lạc khác để đề nghị các cơ quan liên quan phối hợp đôn đốc, kiểm tra sau đó có văn bản chính thức gửi cho các cơ quan phối hợp.

3. Các bộ, ngành và địa phương chủ trì các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan tới phát triển kinh tế biển cần chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các dự án, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban để xem xét quyết định khi có sự thay đổi về thời gian thực hiện hoặc dừng không triển khai thực hiện; đồng thời gửi Bộ Tài chính để theo dõi.

4. Các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan tới triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển do các bộ, ngành và địa phương có biển

chủ trì thực hiện khi kết thúc cần tổ chức nghiệm thu theo quy định và bàn giao sản phẩm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về biển và hải đảo và sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển.

Điều 9. Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn liên quan tới phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam

1. Theo chương trình công tác hàng năm của Ủy ban, nếu Ủy ban chủ trì tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn liên quan tới phát triển bền vững kinh tế biển các bộ, ngành, địa phương có biển và các ủy viên Ủy ban cần cung cấp thông tin, tham gia trao đổi chia sẻ ý kiến tại hội thảo, hội nghị khi có yêu cầu của Ủy ban hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cơ quan thường trực Ủy ban.

2. Các bộ, ngành và địa phương có biển theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn liên quan tới phát triển bền vững kinh tế biển hoặc có thể đề xuất Ủy ban chủ trì tổ chức hội nghị, hội thảo. Các bộ, ngành và địa phương có biển cần cung cấp thông tin, tham gia trao đổi chia sẻ ý kiến tại hội nghị, hội thảo khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì.

Điều 10. Phối hợp trong công tác sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án

1. Đến thời hạn sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án do các bộ, ngành và địa phương có biển chủ trì thực hiện liên quan tới triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, các bộ, ngành và địa phương có biển chủ trì lập kế hoạch sơ kết, tổng kết gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp xây dựng Chương trình công tác của Ủy ban hoặc phối hợp tổ chức thực hiện.

2. Các bộ, ngành và địa phương có biển lập báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược và gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 5 của năm sơ kết, tổng kết để tổng hợp, xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết của Ủy ban.

Điều 11. Đầu mối phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin

1. Đầu mối phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin gồm đầu mối ở cấp trung ương và đầu mối ở cấp tỉnh.

2. Các bộ, ngành và địa phương có biển liên quan cung cấp thông tin về đầu mối trao đổi thông tin theo đề nghị của Cơ quan thường trực Ủy ban. Khi có sự thay đổi đầu mối về đơn vị, cá nhân chủ trì phối hợp cung cấp trao đổi thông tin, các bộ, ngành và địa phương có biển kịp thời báo về Cơ quan thường trực Ủy ban để cập nhật thông tin.

Điều 12. Thời hạn trao đổi, cung cấp thông tin

1. Thông tin định kỳ

Các bộ, ngành, địa phương có biển có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ công khai những thông tin, tài liệu định kỳ 02 lần/năm. Lần 1 trước ngày 31 tháng 5, lần 2 trước ngày 05 tháng 12 hằng năm để phục vụ cuộc họp định kỳ 02 lần/năm của Ủy ban.

2. Thông tin theo yêu cầu

- Trường hợp có yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin, cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không cung cấp thông tin, cơ quan được yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Đối với những yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin khẩn cấp nhằm đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp ngay trong ngày, sau khi có sự phê duyệt của người có thẩm quyền. Trường hợp không cung cấp được ngay phải nêu rõ lý do và phải chịu trách nhiệm về lý do được nêu ra.

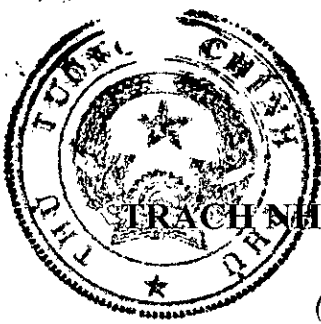
- Khi có yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin, đơn vị đầu mối của cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, ngành và địa phương có biển là thành viên của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Cơ chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Cơ chế này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các bộ, Ủy ban nhân dân có văn bản gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



Phụ lục

TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG VỀ CUNG CẤP, TRAO ĐỔI THÔNG TIN

*(Kèm theo Cơ chế tại Quyết định số 1893/QĐ-TTg
Ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cơ quan thường trực Ủy ban có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Các chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì trong Nghị quyết số 26/NQ-CP: (1) Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển và phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; (2) Quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; (3) Điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển; (4) Môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng; (5) Khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo.

- Nghị quyết số 139/2024/QH15: (1) Thông tin hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia; (2) Thông tin về tình hình triển khai các nhiệm vụ, dự án được giao chủ trì tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: (1) Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo; (2) Bảo vệ môi trường biển và hải đảo; (3) Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển và hải đảo; (4) Ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; (4) Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế.

- Các nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nhóm công tác chuyên đề về nuôi trồng thủy sản, nuôi biển xa bờ công nghệ cao, hình thành các trung tâm dịch vụ, hậu cần nghề cá và tình hình thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Nghị quyết số 26/NQ-CP về: (1) Quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; (2) Phát triển kinh tế biển, ven biển; (3) Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển; (4) Khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển; (5) Môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Các đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Đề án mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2030, được giao chủ trì tại Nghị quyết số 48/NQ-CP.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030; Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030; Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 và Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường biển, hải đảo đến năm 2030.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

(i) Hoạt động của Nhóm công tác chuyên đề về thể chế liên quan đến phát triển kinh tế biển; (ii) Cung cấp thông tin cơ chế, chính sách huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế biển; vốn đầu tư ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm bố trí cho các bộ, ngành và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển; (iii) Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì về: (1) Quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; (2) Phát triển kinh tế biển, ven biển.

- Nghị quyết số 139/2024/QH15: (1) Nguồn vốn đầu tư trung hạn và hằng năm để thực hiện các nhóm nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công; (2) Thông tin về cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, huy động các nguồn vốn khác ngoài đầu tư công để thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án được giao chủ trì tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025.

- Bố trí kinh phí từ các nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện hiệu quả các nhóm nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch, kế hoạch liên quan tới các ngành kinh tế biển, quốc phòng, an ninh trên biển theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

3. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 26/NQ-CP: (1) Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; (2) Tình hình liên quan đến nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển và hải đảo; công tác hỗ trợ, bảo vệ;

đảm bảo an ninh, an toàn cho các hoạt động kinh tế biển; công tác cứu hộ - cứu nạn trên biển; xử lý tốt các tình huống, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

- Tình hình, kết quả thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án do Thủ tướng Chính phủ giao (Quyết định số 28/QĐ-TTg và Quyết định số 896/QĐ-TTg); công tác hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương chủ trì thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ khi có yêu cầu để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trên biển, hải đảo trong quá trình điều tra, khảo sát trên biển, đặc biệt là các vùng biển có tình hình an ninh phức tạp.

- Các quy hoạch về quốc phòng, an ninh có sử dụng không gian biển và thông tin về tình hình triển khai các nhiệm vụ, dự án được giao chủ trì tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 139/2024/QH15.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Cung cấp thông tin tình hình thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Nghị quyết số 26/NQ-CP: (1) Quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; (2) Phát triển kinh tế biển, ven biển; (3) Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển.

- Các nhiệm vụ, dự án được giao tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 139/2024/QH15.

- Đề án Điều tra tổng thể và lập hồ sơ các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể gắn với biển và hải đảo, được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-CP.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 729/QĐ-TTg và Quyết định số 647/QĐ-TTg.

5. Bộ Công Thương có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Nghị quyết số 26/NQ-CP: (1) Quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; (2) Phát triển kinh tế biển, ven biển; (3) Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển; hoạt động của Nhóm công tác chuyên đề về năng lượng ở biển (như điện gió, điện khí, dầu khí...), công nghiệp ven biển.

- Các nhiệm vụ, dự án được giao tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 139/2024/QH15.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 729/QĐ-TTg và Quyết định số 647/QĐ-TTg.

6. Bộ Xây dựng có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Nghị quyết số 26/NQ-CP: (i) Hoạt động của Nhóm công tác chuyên đề về xây dựng các khu đô thị sinh thái ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; (ii) Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các đô thị ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh; hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các đô thị ven biển, hải đảo; (iii) Hoạt động của Nhóm công tác chuyên đề về hạ tầng giao thông biển, logistic, hàng hải; (iv) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và vận tải đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường thủy nội địa và hàng không phục vụ phát triển kinh tế biển; hợp tác công - tư trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển; (v) Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì về: (1) Quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; (2) Phát triển kinh tế biển, ven biển.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 729/QĐ-TTg và Quyết định số 647/QĐ-TTg.

7. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Nghị quyết số 26/NQ-CP: (i) Dự báo chiến lược các vấn đề quốc tế liên quan đến chính sách phát triển các vùng biển Việt Nam; tình hình tham gia của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển; (ii) Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì về: (1) Quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; (2) Đối ngoại và hợp tác quốc tế.

- Nghị quyết số 139/2024/QH15: (i) Tình hình đàm phán phân định ranh giới trên biển; đàm phán, ký kết các điều ước, thỏa thuận quốc tế về khai thác, sử dụng tài nguyên tại các vùng biển chưa phân định ranh giới; trao đổi, tiếp xúc đối ngoại về Quy hoạch không gian biển quốc gia; (ii) Thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ việc triển khai Quy hoạch không gian biển quốc gia.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 647/QĐ-TTg.

8. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Nghị quyết số 26/NQ-CP: (i) Hoạt động của Nhóm công tác chuyên đề về nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ biển; (ii) Đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì về: (1) Khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực biển; (2) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế. (iii) Hoạt động của Nhóm công tác chuyên đề xây dựng cơ sở dữ liệu về biển, kinh tế biển;

- Các nhiệm vụ, dự án được giao tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 139/2024/QH15.

- Đề án Phát triển và ứng dụng công nghệ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo và ứng phó với biến đổi khí hậu được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-CP.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 647/QĐ-TTg, Quyết định số 729/QĐ-TTg.

9. Bộ Y tế có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Nghị quyết số 26/NQ-CP về nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển.

- Các nhiệm vụ, dự án được giao tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 139/2024/QH15.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 647/QĐ-TTg.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Nghị quyết số 26/NQ-CP: (i) Hoạt động của Nhóm công tác chuyên đề về đào tạo nguồn nhân lực cần thiết cho phát triển kinh tế biển; (ii) Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì về khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực biển.

- Các nhiệm vụ, dự án được giao tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 139/2024/QH15.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 729/QĐ-TTg.

11. Bộ Nội vụ có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy ở trung ương và địa phương có biển về quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo được giao chủ trì tại Nghị quyết số 26/NQ-CP.

- Tình hình phân định ranh giới quản lý hành chính đối với các địa phương có biển, đảo được giao chủ trì tại Nghị quyết số 139/2024/QH15.

- Nghị quyết số 26/NQ-CP: (i) Tình hình hoạt động của Nhóm công tác chuyên đề về chuyển đổi nghề cho người dân ở khu vực ven biển; (ii) Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì về: (1) Nâng cao đời sống nhân dân,

xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển; (2) Khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực biển.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 729/QĐ-TTg và Quyết định số 647/QĐ-TTg.

12. Bộ Công an có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Nghị quyết số 26/NQ-CP: (i) Tình hình phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực ven biển, hải đảo; (ii) Các đề án tăng cường tiềm lực khoa học, kỹ thuật cho lực lượng Công an nhân dân phục vụ Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì tại Quyết định số 647/QĐ-TTg.

- Các nhiệm vụ, dự án được giao tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 139/2024/QH15.

13. Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện:

- Dự án phát triển bền vững các xã đảo, huyện đảo tiền tiêu và một số đảo xa bờ gắn với du lịch sinh thái chất lượng cao, kết hợp với bảo đảm an ninh, quốc phòng và Đề án duy trì, phát triển các trung tâm văn hóa biển; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển được giao tại Nghị quyết số 26/NQ-CP.

- Các nhiệm vụ, dự án được giao tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 139/2024/QH15.

- Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tại các địa phương có biển được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-CP.